

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 3 – 2025

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thúy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm Th, sinh năm: 1986 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn Cái Đôi V, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm: 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn Cái Đôi V, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Cẩm Th là nguyên đơn thể hiện:*

Về hôn nhân: Bà và ông Võ Văn L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, không có đăng ký kết hôn. Đến ngày 04/9/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, khoảng 01 năm sau ông L bị tai nạn giao thông sau đó ông thay đổi tính tình nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nhưng vợ chồng tự hòa giải, hàn gắn tiếp tục chung sống vì các con. Thời gian gần đây mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà là do ông L đi nhậu về xúc phạm vợ con và đập phá đồ trong nhà, mâu thuẫn đỉnh điểm từ tháng 6/2024 cho đến nay. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha mẹ hai bên có biết nhưng không tổ chức hòa giải, hàn gắn. Ông, bà đã ly thân từ tháng 11/2024 cho đến nay. Bà Th cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà Th xác định: Ông, bà có hai người con chung tên Võ Phạm Nhựt A, sinh ngày 01/6/2009; Võ Phạm Nhựt Q, sinh ngày 01/11/2013. Hiện các con đang ở với bà Th. Khi ly hôn bà Th yêu cầu trực tiếp nuôi các con, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con, 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà Th xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà Th khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

Quá trình giải quyết vụ án ông Võ Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Ông L xác định về thời gian kết hôn, không đăng ký kết hôn, ngày 04/9/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đúng như bà Th trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn thì theo ông L thì ông không biết nhưng theo ông từ tháng 11/2024 đến nay bà Th xa lánh không cho ông gặp mặt, ông tìm đủ mọi cách để tìm bà Th nhưng vẫn không gặp mặt được. Từ ngày vợ chồng mâu thuẫn đến nay cha mẹ hai bên biết nhưng không tổ chức hòa giải, hàn gắn. Ông và bà Th đã ly thân từ tháng 11/2024 đến nay. Nay bà Th xin ly hôn với ông thì ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ, thương con nên bà Th đi đâu ông vẫn đợi bà Th quay về chứ tuyệt đối ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông L xác định: Ông, bà có hai người con chung tên Võ Phạm Nhựt A, sinh ngày 01/6/2009; Võ Phạm Nhựt Q, sinh ngày 01/11/2013. Hiện các con đang ở với mẹ ruột của bà Th. Do ông không đồng ý ly hôn nên ông không đặt ra việc ai nuôi con nhưng hàng tháng ông với bà Th đều gửi cho các con mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Về tài sản chung: Ông L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Ông L khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm Th về việc xin ly hôn với ông Võ Văn L thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; ông L là bị đơn có nơi cư trú tại khóm 4, thị trấn Cái Đôi V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Võ Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định nhưng ông Linh vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Nguyễn Thị Cẩm Th có đơn xin không tham gia tố tụng, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà Th theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm Th và ông Võ Văn L xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/9/2009 tại UBND thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống ông, bà có nhiều mâu thuẫn. Xét thực tế cuộc sống chung của ông, bà có mâu thuẫn là đúng vì theo bà Th thì vợ chồng ông, bà xảy ra mâu thuẫn thường xuyên trong nhiều năm. Theo ông L mâu thuẫn đỉnh điểm vào tháng 11 năm 2024 nên ông, bà không còn quan tâm, chăm sóc, quý trọng nhau. Ông, bà đã cự cãi nhiều lần, mỗi người sống một nơi. Trong khoảng thời gian này ông, bà không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ, chồng. Bên cạnh đó, bà Th cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét chấp nhận cho bà ly hôn thì bà cũng không đoàn tụ, chung sống với ông L được nữa vì tình cảm vợ, chồng không còn. Đối với ông L quá trình giải quyết vụ án ông không đồng ý ly hôn nhưng ông không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông, bà đã ly thân từ tháng 11/2024 cho đến nay mà không ai có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho bà Th được ly hôn với ông L.

[4] Về con chung: Bà Th, ông L xác định: Ông, bà có hai người con chung tên Võ Phạm Nhựt A, sinh ngày 01/6/2009; Võ Phạm Nhựt Q, sinh ngày 01/11/2013. Hiện các con đang sống với bà Th. Khi ly hôn, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con, ông L không trình bày ý kiến về các con chung.

Xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của bà Th, ông L. Giao con cho bà Th hoặc ông L trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con nhưng không phải giao các con cho bà Th hoặc ông L nuôi thì người không trực tiếp nuôi các con bị tước đi các quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Mặc dù, ông, bà khai nhận đều có việc làm, thu nhập và nơi ở ổn định đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con cái nhưng việc ông, bà ly hôn đã phần nào ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các con nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng đời sống và bảo đảm được việc học hành, sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của các con. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện các con còn bé dù ông L có yêu thương, cần mẫn, chịu khó, chăm sóc các con cũng không chu đáo bằng người mẹ. Hơn nữa, các cháu A và Q cũng có ý kiến nguyện vọng sống cùng với mẹ nếu cha, mẹ cháu ly hôn, các cháu hiện còn nhỏ việc phát triển tâm sinh lý của các cháu cần phải có sự gần gũi, chăm sóc, chia sẻ của người mẹ và để gắn kết tình cảm anh, em giữa các cháu, để tránh sự xáo trộn tâm lý, cuộc sống của các cháu nên tiếp tục giao các cháu An, cháu Quy cho bà Thúy trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Quá trình giải quyết bà Th yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi người con là 2.000.000đồng/con, hai người con là 4.000.000đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, tự nuôi sống được. Ông L không đồng ý ly hôn nên không đặt ra việc cấp dưỡng nhưng hàng tháng ông, bà đều gửi tiền về nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy hàng tháng ông, bà đều cho con 4.000.000đồng, nay ông, bà ly hôn bà Th

yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi người con là 2.000.000đồng/con, hai người con là 4.000.000đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về thời gian cấp dưỡng do các đương sự không thỏa thuận nên được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Cẩm Th có đơn yêu cầu thi hành án, ông Võ Văn L không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Ông L không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Bà Th, ông L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà Th, ông L khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm Th về việc xin ly hôn ông Võ Văn L.

2. Về con chung: Giao các cháu Võ Phạm Nhựt A, sinh ngày 01/6/2009; Võ Phạm Nhựt Q, sinh ngày 01/11/2013. Hiện các con đang sống với bà Th cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc ông Võ Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho một người con, hai người con mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, tự nuôi sống được. Về thời gian cấp dưỡng, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Cẩm Th có đơn yêu cầu thi hành án, ông Võ Văn L không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Ông Võ Văn L không trực tiếp nuôi các con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Th, ông L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà Th, ông L khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà Nguyễn Thị Cẩm Th phải chịu 300.000 đồng. Ngày 05 tháng 02 năm 2025, bà Th đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003783 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con, ông L phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng, chưa nộp).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bà Th, ông L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Lê Thúy Dung**